

Điều lệ tổ chức hoạt động
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hiệp Hoà

- Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước CHXHCN Việt nam khoá XI thông qua ngày 19/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật doanh nghiệp.
- Căn cứ Nghị định số 64/NĐ - CP ngày 19/06/2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần.
- Căn cứ Quyết định 420/QĐ - CT ngày 03/04/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc chuyển Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hiệp Hoà.

Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hiệp Hoà, đã nhất trí thông qua nội dung của bản Điều lệ và cam kết thực hiện những quy định của bản điều lệ này.

Chương I
Quy định chung

Điều 1: Tên và trụ sở giao dịch của Công ty

Tên: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hiệp Hoà
(gọi tắt là Công ty)

Địa chỉ: Số nhà 40 đường Hoàng Văn Thái, khu 5 Thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hiệp Hoà là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần, được tổ chức hoạt động theo luật doanh nghiệp hiện hành.

Điều 2: Mục tiêu ngành nghề kinh doanh

1.Mục tiêu:

Công ty được thành lập nhằm huy động rộng rãi các nguồn vốn của tổ chức, cá nhân để thực hiện kinh doanh nhằm mục tiêu lợi nhuận cao, tăng lợi tức cổ đông, tạo việc làm cho người lao động, phục vụ và đóng góp cho ngân sách nhà nước và phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

2.Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh thương mại thuộc tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng.

Kinh doanh thương mại dịch vụ.

Kinh doanh xuất nhập khẩu.

Kinh doanh ngành nghề khác mà pháp luật không cấm.

3.Phạm vi kinh doanh: Trong toàn quốc và nước ngoài theo luật định.

Điều 3: Pháp nhân của công ty.

-Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật.

-Có tài sản, con dấu riêng và được mở tài khoản tại các ngân hàng thương mại theo luật định.

-Có điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua.

-Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và tài sản khác trong phạm vi vốn điều lệ

-Hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh.

-Được lập các quỹ theo luật định và Nghị quyết của đại hội cổ đông.

Điều 4: Nguyên tắc, cơ cấu tổ chức của công ty.

a- Nguyên tắc tổ chức: Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật, các cổ đông thực hiện ba cùng: cùng góp vốn, cùng tham gia quản lý, kinh doanh, cùng hưởng lợi tức hoặc chịu lỗ theo vốn góp.

b- Cơ cấu tổ chức: Công ty có:

Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Giám đốc

Điều 5: Các tổ chức

Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức xã hội khác hoạt động theo hiến pháp, pháp luật nhà nước và điều lệ của tổ chức đó. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động theo điều lệ của tổ chức mình.

Chương II

Quyền và nghĩa vụ của công ty

Mục 1: Quyền của công ty

Điều 6: Quyền tổ chức và tự chủ trong kinh doanh

1- Công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn, đất đai và các nguồn lực khác theo quy định của pháp luật để thực hiện các mục tiêu theo điều lệ.

2- Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức kinh doanh phù hợp với mục tiêu của công ty.

3- Kinh doanh những ngành nghề phù hợp với mục tiêu của công ty và nhiệm vụ của Nhà nước, mở rộng quy mô kinh doanh theo khả năng của công ty và nhu cầu của thị trường, ký hợp đồng kinh tế với các đối tác theo luật định.

4- Đầu tư, liên doanh, liên kết, góp vốn, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo luật định với mục đích phát triển, mở rộng kinh doanh.

5- Tuyển chọn, bố trí, sử dụng và đào tạo lao động, lựa chọn các định mức hưởng lương, thưởng và các quyền lợi khác của người sử dụng lao động theo quy định của luật lao động.

6- Được mời và tiếp đối tác nước ngoài của công ty ở Việt Nam. Được ra nước ngoài công tác, học tập, thăm quan, khảo sát.

Điều 7: Quyền quản lý tài chính của công ty.

1- Được sử dụng vốn và các quỹ của công ty để khắc phục kịp thời các nhu cầu kinh doanh.

2- Được nhượng, bán hoặc cho thuê những tài sản không cần ding hoặc ding không có hiệu quả.

3- Được phát hành, chuyển nhượng, bán các cổ phiếu, trái phiếu theo luật định, được thế chấp giá trị quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản thuộc quyền quản lý của công ty tại các ngân hàng để vay vốn kinh doanh theo luật định của pháp luật.

4- Được phân chia lợi nhuận cho các cổ đông, lập và sử dụng các quỹ theo luật định và Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

5- Được hưởng các chế độ ưu đãi của Nhà nước khi chuyển doanh nghiệp thành công ty cổ phần.

6-Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn nhân lực trái pháp luật của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.

Mục 2: Nghĩa vụ của công ty

Điều 8: Nghĩa vụ quản lý, hoạt động kinh doanh

1-Đăng ký kinh doanh và kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh.

2-Sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông, nhận và sử dụng có hiệu quả đất đai và các nguồn nhân lực khác để thực hiện mục tiêu của công ty.

3-Xây dựng chiến lược phát triển kinh tế, kế hoạch kinh doanh phù hợp với mục tiêu của công ty và nhu cầu của thị trường.

4-Tổ chức các hợp đồng kinh tế đã ký với các đối tác theo luật định.

5-Thực hiện các nghĩa vụ của người lao động theo quy định của Bộ luật lao động, đảm bảo cho người lao động tham gia quản lý công ty.

6-Thực hiện các chế độ báo cáo thống kê, kế toán và các báo cáo định kỳ theo quy định của nhà nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông.

7-Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước theo luật định.

Điều 9: Nghĩa vụ quản lý tài chính

1-Thực hiện đúng các chế độ về quản lý vốn, tài sản, các quỹ, tổ chức hạch toán kế toán, thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác theo quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm về tính xác thực hoạt động tài chính của công ty.

2-Thực hiện các khoản nợ phải thu, phải trả phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty.

3-Thực hiện kê khai thuế, nộp thuế và các khoản nộp khác theo quy định.

4-Công bố công khai các thông tin về công ty và báo cáo tài chính hàng năm, tổ chức phân tích hoạt động kinh tế của công ty.

Điều 10: Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương III

Vốn điều lệ - cổ phần - cổ phiếu - cổ đông

Điều 11: Vốn điều lệ

1-Vốn điều lệ của công ty là tổng số vốn do các cổ đông đóng góp bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ chuyển đổi, vàng, tài sản khác và được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là VNĐ.

2-Vốn điều lệ của công ty tại thời điểm hiện tại là: 2.500.000.000 đồng.

Trong đó Vốn bằng tiền Việt Nam: 100%.

3-Cơ cấu vốn phân theo sở hữu:

-Vốn thuộc sở hữu nhà nước là: 562.300.000 đồng chiếm 22,49%.

-Vốn thuộc sở hữu cá nhân ngoài vốn nhà nước là: 1.937.700.000 đồng chiếm 77.51% vốn điều lệ.

4-Việc tăng, giảm vốn điều lệ do Đại hội cổ đông quyết định.

5-Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho mục đích sau:

-Mua sắm tài sản cố định, trang thiết bị cho hoạt động kinh doanh.

-Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn liên doanh, liên kết.

-Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản.

-Phục vụ kinh doanh theo nội dung hoạt động của công ty.

6-Không dùng vốn điều lệ để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp Đại hội cổ đông có quyết định khác không trái pháp luật.

Điều 12: Cổ phần, cổ phiếu

1-Vốn điều lệ của công ty được chia làm nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.

Chúng chỉ do công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty gọi là cổ phiếu.

2-Vốn điều lệ của công ty được chia làm 25.000 cổ phần, mỗi cổ phần có giá trị là 100.000 đồng Việt Nam.

3-Cổ phần của công ty được phát hành theo mẫu thống nhất của Bộ tài chính nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4-Cổ phiếu có nhiều mệnh giá, mệnh giá tối thiểu của một cổ phiếu là: 100.000 đồng Việt Nam.

5-Mỗi cổ phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được đóng dấu của công ty.

6-Nếu cổ phiếu rách, nát, hư hỏng hoặc bị mất có thể xin đổi cổ phiếu mới nếu có đủ chứng cứ theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và cổ đông sở hữu đó phải chịu mọi phí tổn.

Điều 13: Các loại cổ phần, cổ phiếu

1-Cổ phần:

Công ty có 2 loại cổ phần: + Cổ phần phổ thông

+ Cổ phần bán theo giá ưu đãi của nhà nước

Các quy định về cổ phần được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu có các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

2-Cổ phiếu:

Công ty có 2 loại cổ phiếu: + Cổ phiếu ghi danh

+ Cổ phiếu không ghi danh

a-Cổ phiếu ghi danh:

-Là cổ phiếu thuộc các chủ sở hữu là vốn nhà nước, các thành viên HĐQT, người được mua cổ phần theo giá ưu đãi của nhà nước.

-Mỗi cổ phiếu ghi danh phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của pháp nhân hay cá nhân sở hữu, số lượng cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá mỗi cổ phần ghi trên cổ phiếu.

-Việc chuyển nhượng cổ phần ghi danh phải theo các quy định tại điểm b, c, d, e khoản 2 điều 14 của điều lệ này.

b-Cổ phiếu không ghi danh:

-Là cổ phiếu phát hành cho các cổ đông không phải là các đối tượng thuộc điểm a, khoản 2 câu điều lệ này.

-Là cổ phiếu phát hành thêm khi công ty cần tăng vốn điều lệ.

-Là cổ phiếu ghi danh đã được chuyển nhượng theo quy định tại điều lệ này.

-Cổ phiếu không ghi danh được tự do chuyển nhượng.

Điều 14: Thừa kế, chuyển nhượng và chào bán cổ phần

1-Thừa kế cổ phần:

a-Trường hợp cổ đông qua đời, công ty công nhận những người sau đây có quyền thừa kế một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất

-Người thừa kế duy nhất theo luật định.

-Trường hợp có nhiều người thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có công chứng. Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người cùng thừa kế theo pháp luật.

b-Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp phải đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế để trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.

2-Chuyển nhượng và chào bán cổ phần.

a- Cổ phần của công ty được chuyển nhượng và chào bán theo quy định của pháp luật và điều lệ của công ty. Cổ đông muốn chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký tại trụ sở chính của công ty.

b-Cổ phần của thành viên HĐQT trong thời gian đương nhiệm và 2 năm sau thôi giữ các chức danh trên không được chuyển nhượng (trừ các trường hợp đặc biệt do HĐQT quyết định).

c-Cổ phiếu thuộc phần vốn nhà nước bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp khi chuyển DNNN thành Công ty cổ phần được chuyển nhượng, thừa kế và các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty (trừ các trường hợp đặc biệt do HĐQT quyết định).

d-Việc chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh phải được HĐQT chấp thuận. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn của cổ đông xin chuyển nhượng cổ phần, HĐQT phải xem xét và trả lời việc được chuyển nhượng hay không được chuyển nhượng.

e-Cổ phiếu ghi danh không được tự do chuyển nhượng.

f-Cổ đông của công ty không được dùng cổ phiếu của mình vào việc cầm cố, thế chấp hay bảo lãnh trong bất kỳ trường hợp nào.

g-HĐQT quyết định giá chào bán cổ phần, giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá trị trường tại thời điểm chào bán, trừ những trường hợp sau:

-Cổ phần chào bán lần đầu khi thành lập công ty.

-Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty.

-Các quy định về chào bán cổ phần theo pháp luật hiện hành.

h-Các quy định khác về chào bán, chuyển nhượng cổ phần không quy định ở đây được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15: Phát hành trái phiếu, cổ phiếu

1-Việc phát hành trái phiếu, cổ phiếu phải được Đại hội cổ đông quyết định nhưng không trái pháp luật.

2-HĐQT quyết định loại trái phiếu, cổ phiếu, tổng giá trị của từng loại và thời điểm phát hành.

3-Trái phiếu, cổ phiếu phát hành thêm phải ghi đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật và được ghi vào danh sách cổ đông.

Điều 16: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1-Cổ đông phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi, quyền nghĩa vụ của cổ đông quy định tại điều lệ công ty thì có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải ghi bằng văn bản trong đó ghi rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần, giá dự định bán, lý do bán cổ phần. Yêu cầu phải gửi đến công ty chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày Đại hội cổ đông thông qua các quyết định về các vấn đề ở khoản này.

2-Trong trường hợp đặc biệt (cổ đông bị rủi ro bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, tại nạn...) thì cổ đông có quyền đề nghị công ty mua lại cổ phần của mình. Thủ tục và nội dung thực hiện như khoản 1 nói trên điều này và phải do Đại hội cổ đông quyết định.

Điều 17: Quy định về cổ đông

1-Cổ đông của công ty là những cá nhân, tổ chức sở hữu một hoặc nhiều cổ phần.

2-Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông.

3-Người đại diện theo pháp luật của cổ đông tại công ty.

a-Cổ đông là cá nhân có thể uỷ quyền cho người khác có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại công ty.

b-Việc uỷ quyền nêu trên phải được thực hiện bằng văn bản, cổ đông muốn thay đổi người làm đại diện phải làm văn bản gửi đến HĐQT.

c-Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người làm đại diện phải được sự chấp thuận của nhóm cổ đông này bằng văn bản.

d-Trường hợp cổ đông là pháp nhân mới, được sát nhập hoặc hợp nhất từ cổ đông cũ, thì cổ đông pháp nhân mới này phải gửi HĐQT các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sát nhập hoặc hợp nhất để HĐQT xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo pháp luật hiện hành. Trường hợp cổ đông pháp nhân giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải chuyển nhượng cho đối tượng khác.

Điều 18: Quyền của cổ đông

1-Cổ đông có các quyền:

a-Tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của đại hội cổ đông. Mỗi cổ phần phổ thông có 1 phiếu biểu quyết.

b-Được nhận cổ tức theo quyết định của đại hội cổ đông.

c-Được ưu tiên mua cổ phần khi công ty phát hành cổ phiếu.

d-Được mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần theo điều lệ công ty và phù hợp với pháp luật hiện hành.

e-Khi công ty giải thể được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vào công ty sau khi công ty đã thanh toán xong các khoản phải trả theo bản cân đối kế toán.

f-Được thông tin thường xuyên, đột xuất về tình hình hoạt động của công ty, được yêu cầu HĐQT cung cấp thông tin về hoạt động kinh doanh có liên quan đến quyền lợi của cổ đông. Được uỷ quyền cho người khác tham dự Đại hội cổ đông.

2- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 2,5% trở lên trong tổng số cổ phần (có quyền biểu quyết của công ty), ngoài các quyền như trên còn có các quyền:

a-Đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát.

b-Yêu cầu triệu tập Đại hội cổ đông bất thường.

c-Xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông.

d-Được tham gia vào chương trình nghị sự Đại hội cổ đông.

Điều 19: Nghĩa vụ của cổ đông

1-Thanh toán đầy đủ số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

2-Tuân thủ điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của công ty.

3-Chấp hành các quyết định của Đại hội cổ đông, HĐQT.

4-Không được rút vốn cổ phần dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp công ty bị giải thể.

5-Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của công ty.

Điều 20: Quyền lợi của cổ đông là người lao động tại DNNN khi chuyển sang thành lập Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hiệp Hoà

1-Người lao động tại Cửa hàng Thương nghiệp Hiệp Hoà khi chuyển sang Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hiệp Hoà được mua cổ phần với giá ưu đãi theo quy định tại khoản 1, điều 1 quyết định 355/QĐ - CT ngày 24/03/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang, tính theo số năm công tác thực tế đến thời điểm 30/09/2001

2-Công ty đảm bảo vị trí bán hàng cho người lao động khi người đó hoàn thành nhiệm vụ công ty giao và chấp hành tốt quy chế nội bộ của công ty.

3-Khi người lao động có nhu cầu nghỉ làm việc thì việc chuyển nhượng cổ phần thực hiện theo điều 14 của điều lệ này, đối tượng ưu tiên là con, cháu và người thân của người lao động đó (phải được sự đồng ý bằng văn bản của HĐQT).

4-Các quyền lợi khác của người lao động được hưởng theo quy định của pháp luật.

Chương IV

Các tổ chức quản lý, điều hành, kiểm soát

Điều 21: Đại hội đồng cổ đông

1-Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.

2-Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

a-Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại.

b-Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm HĐQT, kiểm soát viên.

d-Xem xét xử lý các vi phạm của HĐQT, kiểm soát viên.

d-Bầu HĐQT, kiểm soát viên nếu hết nhiệm kỳ, hoặc bầu bổ sung thành viên HĐQT, kiểm soát viên theo quy định của điều lệ.

e-Quyết định tổ chức lại và giải thể công ty.

f-Quyết định sửa đổi bổ sung điều lệ, tăng giảm vốn điều lệ.

g-Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

h-Quyết định phương hướng, nhiệm vụ hoạt động kinh doanh và đầu tư tài chính mới có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng số vốn điều lệ. Quyết định bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng số tài sản được ghi trong sổ kế toán.

i-án định mức thù lao và quyền lợi cho các thành viên HĐQT, kiểm soát viên.

k-Quyết định các vấn đề khác theo luật định.

Điều 22: Đại hội cổ đông thành lập

1-Thành phần tham dự Đại hội cổ đông thành lập là các cổ đông có sở hữu từ 30 cổ phần trở lên.

2-Đại hội cổ đông thành lập chỉ hợp lệ khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.

3-Đại hội cổ đông thành lập có nhiệm vụ:

-Thảo luận và thông qua bản điều lệ công ty.

-Bầu HĐQT, kiểm soát viên của công ty.

-Thông qua phương án sản xuất kinh doanh của công ty.

- ấn định mức thù lao và quyền lợi của HĐQT, kiểm soát viên.

Điều 23: Thẩm quyền triệu tập Đại hội cổ đông

1-Đại hội cổ đông họp thống nhất mỗi năm 1 lần.

2-Đại hội cổ đông triệu tập họp:

a-Theo quyết định của HĐQT.

b-Theo yêu cầu của cổ đông nhóm ghi tại khoản 2, điều 18 của điều lệ này, của Trưởng ban kiểm soát hoặc 2/3 số kiểm soát viên trong trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại điều 31, 32, 33 của điều lệ này.

3-HĐQT phải triệu tập đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu quy định tại điểm b, khoản 2 này.

4-Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự đại hội, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình, nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời đến từng cổ đông có quyền dự họp.

Điều 24: Thể thức triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông

1-Người triệu tập đại hội cổ đông phải gửi giấy mời đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 7 ngày trước khai mạc. Kèm theo giấy mời phải có chương trình họp và các tài liệu làm cơ sở thông qua quyết định.

2-Cuộc họp đại hội cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không thành thì được triệu tập lần 2 trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày cuộc họp lần 1 dự định khai mạc. Cuộc họp đại hội cổ đông lần 2 được tiến hành khi số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3-Những cổ đông không đến dự đại hội cổ đông được phép uỷ quyền đại diện thay thế.

4-Đại hội cổ đông do Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa, nếu chủ tịch HĐQT đi vắng thì có thể uỷ quyền cho thành viên HĐQT làm chủ tọa. Đại hội cổ đông thành lập công ty thì do sáng lập viên đại diện vốn nhà nước làm chủ tọa.

5-Đại hội bầu thư ký và ban kiểm phiếu cuộc họp.

6-Biên bản đại hội cổ đông được ghi vào sổ biên bản, có chữ ký của chủ tọa, thư ký và 2 kiểm phiếu viên. Sau phiên họp các trích lục biên bản phải có chữ ký của chủ tịch HĐQT hoặc 2 uỷ viên HĐQT.

Điều 25: Việc uỷ quyền tham dự đại hội đồng cổ đông

1-Cổ đông được uỷ quyền cho đại diện thay thế tham dự đại hội cổ đông. Người được uỷ quyền có quyền như cổ đông hợp lệ, trừ trường hợp ứng cử.

2-Người đại diện không nhất thiết là cổ đông của công ty.

3-Việc uỷ quyền phải được thực hiện bằng văn bản, người được uỷ quyền phải trình cho ban tổ chức đại hội trước khi khai mạc.

4-Trường hợp bên uỷ quyền là tổ chức thì văn bản uỷ quyền phải do thủ trưởng đó ký và đóng dấu.

5-Việc uỷ quyền chỉ được thực hiện từng lần, người được uỷ quyền không được uỷ quyền cho người thứ 3.

6-Người được uỷ quyền có thể thu hồi sự uỷ quyền bằng văn bản gửi HĐQT.

Điều 26: Thông qua Quyết định của đại hội cổ đông

1-Đại hội cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có chữ ký của tất cả cổ đông có mặt.

2-Quyết định của đại hội cổ đông được thông qua tại các cuộc họp khi:

a-Được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

b-Đối với những quyết định quan trọng như:

Quyết định số lượng cổ phần được quyền chào bán, sửa đổi bổ sung điều lệ công ty, tổ chức lại, giải thể công ty bán hơn 50% tổng số giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

3-Nghị quyết của Đại hội cổ đông có hiệu lực thi hành đối với các cổ đông vắng mặt hoặc bất đồng ý kiến.

Điều 27: Đại hội cổ đông bất thường

1-Đại hội cổ đông bất thường được triệu tập để giải quyết các trường hợp phát sinh những vấn đề bất thường, ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động công ty.

Đại hội cổ đông bất thường được triệu tập theo yêu cầu của một hoặc nhóm cổ đông sau:

a-Chủ tịch HĐQT

b-ít nhất 2/3 số thành viên HĐQT

c-Kiểm soát viên trưởng hoặc 2/3 số kiểm soát viên

d-Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên.

2-Đại hội đồng cổ đông bất thường là hợp lệ nếu có số cổ đông:

a-Đại diện cho 3/4 vốn điều lệ: triệu tập lần thứ nhất

b-Đại diện 2/3 vốn điều lệ: triệu tập lần thứ hai

c-Trường hợp phải triệu tập lần thứ 3: Không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp. Thời gian triệu tập Đại hội cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật.

3-Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội cổ đông bất thường:

-Nghị quyết xử lý các vấn đề bất thường

-Bãi nhiệm và bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, kiểm soát viên vi phạm điều lệ công ty và pháp luật hiện hành.

-Biểu quyết sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty

Điều 28: Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua thì cổ đông, thành viên HĐQT, kiểm soát, giám đốc có quyền yêu cầu toà án xem xét và huỷ bỏ quyết định của Đại hội cổ đông, trong các trường hợp sau:

1-Trình tự và thủ tục triệu tập họp đại hội cổ đông không thực hiện đúng theo điều lệ công ty.

2-Nội dung quyết định, vi phạm quy định của pháp luật hoặc điều lệ công ty.

Quyết định của toà án là quyết định cuối cùng, tất cả cổ đông phải chấp hành.

Điều 29: Hội đồng quản trị

1-Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty. Có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông.

2-Hội đồng quản trị có 3 thành viên do Đại hội cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm theo phương thức bỏ phiếu kín, thành viên HĐQT được trúng cử với ít nhất 51% số cổ phần được biểu quyết trong tổng số cổ phần dự đại hội.

3-Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần cử người tham gia ứng cử vào HĐQT để làm nhiệm vụ quản lý phần vốn Nhà nước tại công ty.

4-HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

Điều 30: Điều kiện ứng cử thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT phải là người có đủ các điều kiện sau:

1-Là cổ đông hoặc là người đại diện hợp pháp cho cổ đông, pháp nhân, sở hữu hoặc đại diện cho quyền sở hữu số cổ phần từ 2,5% vốn điều lệ trở lên hoặc 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2-Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hiệp Hoà không được là thành viên HĐQT của doanh nghiệp khác. Thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành quản lý và trực tiếp sản xuất kinh doanh của công ty

3-Thành viên HĐQT không được trực tiếp nhận quỹ khoán của công ty

4-Thành viên HĐQT phải có bản cam kết quản lý công ty theo đúng điều lệ và pháp luật hiện hành, quản lý kinh doanh đạt hiệu quả với mức cổ tức từ 7% trở lên. Đồng thời phải dùng cổ phần của mình để đảm bảo việc thanh toán (nếu có) mà nguyên nhân do chủ quan các thành viên HĐQT gây ra.

5-Có trình độ học vấn, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản trị doanh nghiệp

6-Có sức khoẻ, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và hiểu biết pháp luật.

Điều 31: Nhiệm kỳ của HĐQT

1-Nhiệm kỳ HĐQT là 3 năm, hết nhiệm kỳ HĐQT được bầu lại.

2-Trong nhiệm kỳ Đại hội cổ đông có thể bãi nhiệm hoặc bầu bổ sung thành viên HĐQT để đảm bảo cho hết nhiệm kỳ.

Điều 32: Quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT

1-Quản lý công ty theo điều lệ, quyết định của Đại hội cổ đông và tuân thủ đúng pháp luật.

2-Quyết định chiến lược phát triển công ty.

3-Kiên nghị tăng, giảm vốn điều lệ, loại cổ phần và tổng số cổ phần được chào bán của từng loại.

4-Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi được quyền chào bán, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

5-Quyết định phương án đầu tư, các dự án phát sinh không vượt quá 20% vốn điều lệ và duyệt các dự án, thiết kế, quyết toán các công trình đầu tư do Đại hội cổ đông thông qua.

6-Quyết định giải pháp phát triển thị trường, thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty.

7-Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng của công ty và duyệt phương án tổ chức bộ máy, nhân sự của các đơn vị trực thuộc, quyết định lập chi nhánh, văn phòng và việc góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác.

8-Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội cổ đông.

9-Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định hạn và thủ tục trả cổ tức, xử lý các khoản lỗ phát sinh trong kinh doanh.

10-Thực hiện việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền và cách sử dụng quỹ theo quy định, theo quyết định của đại hội đồng cổ đông.

11-Quyết định triệu tập, chuẩn bị nội dung và tổ chức đại hội cổ đông theo điều lệ công ty.

12-Quyết định tiền lương, thưởng, phạt, phụ cấp của giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc quyền quản lý HĐQT.

13-Đình chỉ quyết định của giám đốc nếu thấy trái pháp luật, vi phạm điều lệ, nghị quyết của đại hội cổ đông.

14-Chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật, vi phạm điều lệ, những sai phạm trong quản lý gây thiệt hại cho công ty.

15-Xem xét và uỷ quyền cho giám đốc khởi kiện các vụ án liên quan đến quyền lợi và tài sản của công ty.

Điều 33: Sau khi hợp xong Đại hội cổ đông sáng lập, các thành viên HĐQT có trách nhiệm nhận bàn giao toàn bộ lao động, tài sản, hồ sơ, tài liệu của Công ty Thương mại Bắc Giang và các công việc còn lại của Ban ban đổi mới doanh nghiệp tại Cửa hàng thương nghiệp Hiệp Hoà. HĐQT hoàn tất các thủ tục còn lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những việc đó.

Điều 34: Chủ tịch Hội đồng quản trị

1-HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT trong số các thành viên của HĐQT. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của công ty và có thể kiêm nhiệm giám đốc công ty.

2-Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau:

a-Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT

b-Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT.

c-Tổ chức việc thông qua và theo dõi các quyết định của HĐQT.

d-Chủ tọa các cuộc họp của Đại hội cổ đông.

3-Khi chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ thì chủ tịch HĐQT uỷ quyền cho một thành viên HĐQT thực hiện các nhiệm vụ của chủ tịch. Trường hợp không có người được uỷ quyền thì các thành viên còn lại chọn một người trong số họ tạm giữ chức chủ tịch HĐQT.

Điều 35: Hoạt động của HĐQT

1-Chủ tịch HĐQT có quyền triệu tập họp HĐQT.

2-HĐQT họp thường kỳ tháng 1 lần, trường hợp đặc biệt khoảng cách giữa hai kỳ họp không quá ba tháng. Trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường theo đề nghị của ban kiểm soát, giám đốc hoặc 2/3 thành viên HĐQT và chủ tịch HĐQT.

3-Cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số thành viên của HĐQT trở lên tham dự. Quyết định của HĐQT được thông qua khi đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về chủ tịch HĐQT.

4-Mọi nghị quyết, quyết định của HĐQT trong mỗi phiên họp đều được ghi thành văn bản và phải được thông qua mọi thành viên tham dự với đầy đủ chữ ký.

5-Các thành viên HĐQT thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo sự phân công của chủ tịch HĐQT.

Điều 36: Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên HĐQT

1-Chủ tịch và các thành viên HĐQT muốn từ nhiệm phải gửi đơn tới HĐQT công ty. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn HĐQT phải xem xét quyết định.

2-Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a-Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

b-Từ chức

c-Công ty giải thể theo quyết định của toà án.

2-Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm theo quyết định của đại hội cổ đông

3-Trường hợp số thành viên HĐQT bị giảm quá 1/3 so với số lượng quy định tại điều lệ công ty thì HĐQT phải triệu tập Đại hội cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên HĐQT.

Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 37: Quyền lợi của HĐQT

1-Thành viên HĐQT hưởng thù lao do Đại hội cổ đông quyết định theo đề nghị của chủ tịch HĐQT trên cơ sở chính sách của Nhà nước.

2-Mọi chi phí hoạt động của HĐQT được tính vào phí quản lý công ty.

Điều 38: Giám đốc, Phó giám đốc

1-Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty do HĐQT bầu và miễn nhiệm và chịu trách nhiệm trước HĐQT về các quyền và nhiệm vụ được giao.

2-Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:

a-Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty.

b-Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.

c-Xây dựng và trình HĐQT các kế hoạch dài hạn và hàng năm.

d-Bảo toàn và phát triển vốn, tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty.

e-Kiến nghị phương án tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty.

f-Ký và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế của công ty trừ những hợp đồng phải thông qua HĐQT theo quy định của điều lệ công ty.

g-Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc của HĐQT.

h-Tuyển dụng, thuê mướn, sử dụng lao động và áp dụng các hành thức trả lương, thưởng đối với người lao động thuộc thẩm quyền, khen thưởng, kỷ luật, cho thôi việc đối với người lao động không phù hợp với luật lao động.

i-Báo cáo trước HĐQT về hoạt động kinh doanh của công ty.

k-Chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại của công ty do lỗi chủ quan gây nên.

l-Các phó giám đốc thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của giám đốc và chịu trách nhiệm trước giám đốc về phần việc mình được giao.

Điều 39: Tiêu chuẩn lựa chọn giám đốc

Giám đốc công ty phải có đầy đủ các điều kiện sau:

- 1-Có trình độ quản lý kinh doanh các ngành kinh tế kỹ thuật liên quan đến hoạt động của công ty. Có kiến thức và kinh nghiệm quản lý công ty, hiểu biết pháp luật
- 2-Không thuộc đối tượng được quy định tại điều 9 của luật doanh nghiệp.
- 3-Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.
- 4-Không kiêm nhiệm bất kỳ một chức vụ quản lý, điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác.

Điều 40: Ủy quyền, uỷ nhiệm

- 1-Giám đốc công ty được uỷ quyền, uỷ nhiệm bằng văn bản cho người khác thay mình giải quyết một số công việc của công ty và chịu trách nhiệm về pháp lý trong phạm vi uỷ quyền.
- 2-Người được giám đốc uỷ quyền phải chịu trách nhiệm về pháp lý trước giám đốc và trước pháp luật về những việc mình làm.

Điều 41: Từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm

- 1-Khi giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi HĐQT, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT phải xem xét và quyết định.
- 2-Giám đốc miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a-Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
 - b-Từ chức
 - c-Công ty giải thể theo quyết định của cơ quan Nhà nước.
- 3-Giám đốc bị bãi nhiệm theo quyết định của HĐQT.

Điều 42: Kiểm soát viên

- 1-Ban kiểm soát thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động về quản lý, điều hành công ty.
- 2-Ban kiểm soát có 3 người do Đại hội cổ đông bầu và bãi nhiệm. Việc bầu ban kiểm soát theo phương thức bỏ phiếu kín và đa số phiếu chấp thuận. Ban kiểm soát bầu một người làm trưởng ban.
- 3-Sau Đại hội cổ đông thành lập, ban kiểm soát thực hiện việc kiểm soát quá trình triển khai và hoàn tất thủ tục thành lập công ty.
- 4-Kiểm soát viên không được là thành viên HĐQT, giám đốc, kế toán trưởng công ty. Không được là vợ chồng hoặc người ruột thịt của thành viên HĐQT, giám đốc, kế toán trưởng công ty.

Điều 43: Tiêu chuẩn lựa chọn kiểm soát viên

- 1-Kiểm soát viên là cổ đông sở hữu từ 1,5% vốn điều lệ trở lên, có trình độ am hiểu về kỹ thuật, nghiệp vụ kinh doanh của công ty, trong đó ít nhất 1 kiểm soát viên có trình độ về kế toán tài chính.
- 2-Kiểm soát viên không được là thành viên HĐQT, giám đốc, kế toán trưởng công ty. Không được là người thân thuộc (vợ chồng, cha mẹ, con cái, anh chị em ruột) của viên HĐQT, giám đốc, kế toán trưởng công ty.
- 3-Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và cso hiểu biết pháp luật.
- 4-Kiểm soát viên không phải là người bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang pahir chấp hành hình phạt tù hoặc bị toà án tước quyền hành nghề vi phạm các tội: Buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép trốn thuế và các tội khác theo quy định của pháp luật.

Điều 44: Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát

1-Nhiệm kỳ của ban kiểm soát cùng với nhiệm kỳ HĐQT và kéo dài 60 ngày để xử lý các công việc tồn đọng.

2-Trong nhiệm kỳ, nếu kiểm soát viên có khuyết điểm thì Đại hội cổ đông gần nhất phải bầu thay thế.

Điều 45: Từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên

1-Kiểm soát viên muốn từ nhiệm phải gửi đơn cho HĐQT.

2-Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi vi phạm một trong các trường hợp như đối với thành viên HĐQT.

3-Trong trường hợp bị khuyết kiểm soát viên, HĐQT tạm cử người thay thế cho đến khi triệu tập Đại hội cổ đông để bầu bổ sung.

Điều 46: Quyền và nhiệm vụ của Kiểm soát viên

1-Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong hạch toán và báo cáo tài chính.

2-Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty theo quyết định của Đại hội cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại điểm A, khoản 2 điều 18 điều lệ công ty.

3-Được yêu cầu các bộ phận nghiệp vụ cung cấp thông tin, số liệu, tài liệu và thuyết minh các hoạt động kinh doanh của công ty.

4-Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động của mình, tham khảo ý kiến HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội cổ đông.

5-Báo cáo Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, các báo cáo tài chính và báo cáo khác của công ty.

6-Tham dự các cuộc họp của HĐQT nếu thấy cần thiết và phải báo cho chủ tịch HĐQT trước 7 ngày, được phát biểu ý kiến và những kiến nghị trong cuộc họp, nhưng không được tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của HĐQT thì có quyền ghi ý kiến của mình vào biên bản cuộc họp và trực tiếp báo cáo trước cuộc họp Đại hội cổ đông gần nhất.

7-Kiểm soát viên trưởng có quyền yêu cầu HĐQT họp phiên bất thường hoặc yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội cổ đông bất thường.

8-Kiểm soát viên trưởng hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội cổ đông, chi phí hoạt động của ban kiểm soát được hạch toán vào chi phí của công ty.

Chương V

các chế độ lao động và quyền lợi của người lao động

Điều 47: Chế độ và quyền lợi của người lao động

1-Chế độ và quyền lợi của người lao động tại công ty

a-Người lao động đang làm việc tại Cửa hàng thương nghiệp Hiệp Hoà theo chế độ hợp đồng lao động dài hạn khi chuyển sang Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hiệp Hoà sẽ được ký lại hợp đồng lao động nếu có nguyện vọng tiếp tục làm việc tại công ty, trong đó ưu tiên bố trí việc làm và các quyền lợi hợp pháp khác cho người lao động là cổ đông của công ty.

b-Người lao động làm việc tại công ty được tiếp tục tham gia và hưởng quyền lợi về BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

c-Các trường hợp người lao động đang làm việc có nguyện vọng khác với quy định tại khoản 1 điểm a của điều lệ này, tùy theo trường hợp cụ thể sẽ được giải quyết theo nghị

định số 41/NĐ-CP ngày 11/04/2002 của Thủ tướng chính phủ và các quy định pháp luật hiện hành.

2-Chế độ tuyển dụng , cho thôi việc

a-Việc tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa giám đốc và người lao động sau khi thông qua HĐQT và phù hợp với quy định của Bộ luật lao động.

b-Việc chấm dứt hợp đồng đối với người lao động được thực hiện theo quy định của Bộ luật lao động và các quy định pháp luật hiện hành.

Chương VI

hạch toán phân phối lợi nhuận và lập quỹ

Điều 48: Hạch toán

1-Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của công ty bắt đầu từ ngày công ty được chính thức thành lập và kết thúc vào ngày 31/12 của năm đó.

2-Công ty thực hiện việc hạch toán kế toán theo pháp lệnh kế toán thống kê hiện hành.

3-Kết thúc năm tài chính, HĐQT xem xét thông qua báo cáo tài chính để trình đại hội cổ đông, gồm có:

- Báo cáo cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính
- Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản cuối niên độ

Các bản báo cáo này phải được gửi đến các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên ít nhất trước 15 ngày của kỳ Đại hội cổ đông thường niên.

4-Sau cuộc họp Đại hội cổ đông, các văn bản, biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông và tất cả các chứng từ có liên quan phải được lưu giữ tại văn phòng công ty theo luật định.

Điều 49: Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và lập quỹ

1-Lợi nhuận công ty gồm:

-Lợi nhuận chung = Tổng thu nhập - Tổng chi phí

-Lợi nhuận ròng = Lợi nhuận chung - Thuế, lợi tức

2-Trước khi chia cổ tức cho cổ đông, công ty phải lập quỹ:

a-Quỹ dự trữ bắt buộc: ít nhất bằng 5% lợi nhuận ròng để bổ sung vốn điều lệ và lập dự trữ tài chính cho năm, cho đến mức bằng 10% vốn điều lệ.

b-Các quỹ: quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ đầu tư và phát triển do Đại hội cổ đông quyết định.

3-Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội cổ đông quyết định.

4-Số cổ tức được chia cho số cổ đông theo số vốn đóng góp. Tùy tình hình cụ thể HĐQT có thể tạm ứng cổ tức cho cổ đông theo quý hoặc tháng.

Chương VII

giải thể, thanh lý, tranh tụng

Điều 50: Giải thể

Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau:

1-Bị thua lỗ đến ả vốn điều lệ. Mọi cổ đông đều có thể yêu cầu HĐQT triệu tập cuộc họp đại hội cổ đông để quyết định giải thể công ty.

2-Khi có lý do chính đáng, HĐQT có thể triệu tập cuộc họp Đại hội cổ đông bất thường để bàn quyết định việc giải thể công ty.

3-Có quyết định của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51: Thanh lý

1-Khi có quyết định giải thể công ty, đại hội cổ đông lập hội đồng thanh lý thay thế HĐQT cùng ban kiểm soát làm nhiệm vụ thanh lý công ty theo quy định của pháp luật.

2-Trong thời gian thanh lý, hội đồng thanh lý và ban kiểm soát có quyền đề nghị triệu tập Đại hội cổ đông nếu xét thấy cần thiết.

Điều 52: Tố tụng, tranh tụng

1-Chủ tịch HĐQT là người đại diện công ty trước pháp luật và được uỷ quyền cho giám đốc tham gia trong mọi giai đoạn tố tụng.

2-Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, mọi quyết định xử lý các tranh tụng liên quan đến công ty đều thuộc thẩm quyền của cơ quan toà án.

3-Mọi cổ đông đều có quyền khiếu nại, đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong công ty gây ra. Nếu HĐQT không xử lý thì các cổ đông có quyền đứng đơn kiện trước cơ quan toà án.

Chương VIII điều khoản cuối cùng

Điều 53: Điều khoản thi hành

Công ty được chính thức hoạt động khi Đại hội cổ đông thành lập đã làm xong các thủ tục sau đây:

-Lập danh sách cổ đông đã đăng ký, mua hết cổ phần phát hành và cam kết đóng đủ tiền theo quy định của nhà nước; hoặc công ty tài chính bảo lãnh sẽ bán hết số cổ phần còn lại.

-Đã bầu HĐQT, Ban kiểm soát.

-Đại hội cổ đông đã thảo luận và chấp nhận toàn bộ các điều trong bản điều lệ này.

-Đã giao quyền quản lý cho HĐQT

-Hoàn tất các thủ tục với cơ quan nhà nước theo quy định

Điều 54: Con dấu

-Con dấu của công ty được khắc theo mẫu quy định của Bộ công an, trước khi sử dụng được đăng ký với các cơ quan nhà nước theo luật định.

-HĐQT giao con dấu cho giám đốc quản lý, sử dụng theo luật định.

Điều 55: Đăng ký điều lệ

Bản điều lệ này gồm 8 chương 55 điều được Đại hội cổ đông thông qua và được chấp thuận vào ngày 18/04/2003. Nay có sửa đổi và bổ sung theo Nghị quyết đại hội cổ đông ngày 21/02/2013 về việc thay đổi thành viên HĐQT nhằm đáp ứng yêu cầu mở rộng kế hoạch SXKD của công ty.

Điều lệ được lập thành 09 bản, có giá trị như nhau:

- 01 bản nộp tại phòng công chứng nhà nước tỉnh Bắc Giang.
- 05 bản đăng ký tại các cơ quan Nhà nước theo quy định của pháp luật.
- 03 bản lưu tại văn phòng công ty.

Các bản trích hay sao đều phải có chữ ký của chủ tịch HĐQT mới có giá trị.

Làm tại Hiệp Hoà ngày 22 tháng 02 năm 2013

các thành viên HĐQT ký tên